



Teacher Tu

HOMEWORK

Review: Date and time (Ôn tập: Ngày, giờ)

Name: Class

Task 1: Fill in the blanks (Điền vào chỗ trống)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số ngày		28 hoặc 29				30					30	

Task 2: Xem tờ lịch tháng 4 năm 2020, điền các ngày còn thiếu và trả lời câu hỏi:

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BAY	CHỦ NHẬT
4				1	2	3	4
	5		7	8	9		11
	12	13	14		16	17	18
	19		21	22	23	24	
	26	27	28		30		

- Ngày 1 tháng 4 là thứ ...
- Ngày 15 tháng 4 là thứ ...
- Ngày cuối cùng của tháng 4 là thứ ...
- Tháng 4 có ngày chủ nhật.
- Ngày chủ nhật cuối cùng của tháng 4 là ngày ...

Task 3: Answer the questions (Trả lời câu hỏi)

- Biết ngày 14 tháng 4 là thứ tư, vậy ngày 19 trong cùng tháng 4 đó là thứ
- Biết ngày 2 tháng 8 là thứ hai, vậy ngày 7 trong cùng tháng 8 đó là thứ
- *. Biết ngày 29 tháng 8 là chủ nhật, vậy ngày 2 tháng 9 trong cùng năm đó là thứ

Task 4: Fill in the blanks (Điền vào chỗ trống)

1 giờ 15 phút chiều còn gọi là 13 giờ 15 phút	20 giờ 15 phút còn gọi là 8 giờ 15 phút tối
3 giờ 25 phút chiều còn gọi là ... giờ ... phút	16 giờ 45 phút còn gọi là ... giờ ... phút chiều
9 giờ 20 phút tối còn gọi là ... giờ ... phút	22 giờ 15 phút còn gọi là ... giờ ... phút tối

Task 5: Fill in the blanks (Điền vào chỗ trống)

Khi **giờ hơn** có số phút **lớn hơn 30**, ta còn có thể đọc nó là giờ kém bằng cách **tăng giờ thêm 1**, và lấy số **phút mới** là **60 – số phút cũ**

VD: 5 giờ 45 phút. **Tăng giờ:** $5 + 1 = 6$ và số phút mới: $60 - 45 = 15$. Vậy cách đọc khác là:

6 giờ kém 15 phút

a. 5 giờ 45 phút còn gọi là 6 giờ kém 15 phút	e. 7 giờ kém 20 phút còn gọi là 6 giờ 40 phút
b. 2 giờ 35 phút còn gọi là ... giờ kém ... phút	f. 12 giờ kém 10 phút còn gọi là ... giờ ... phút
c. 1 giờ 55 phút còn gọi là ... giờ kém ... phút	g. 11 giờ kém 5 phút còn gọi là ... giờ ... phút
d*. 12 giờ 40 phút còn gọi là ... giờ kém ... phút	h*. 1 giờ kém 15 phút còn gọi là ... giờ ... phút